

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v: “*Tranh chấp về nợ hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Kim Yên

2. Nguyễn Thanh Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-DS ngày 06/10/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 08/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lại Thị V – sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện H– Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lại Thị V:

Bà Nguyễn Thị Thanh N – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện H– Bình Thuận.

Bị đơn: 1/Bà Phạm Thị H – sinh năm 1967 (có mặt)

2/Ông Võ Văn K – sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện H– Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn K:

Bà Phạm Thị H – sinh năm 1967 theo giấy ủy quyền ngày 19/4/2022

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn M, huyện H– Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Bích K1 – sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H– Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2021 cũng như các lời K trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lại Thị V trình bày: Khoảng tháng 6 năm 2020, bà Phạm Thị H có mượn của bà Lại Thị V số tiền 105.000.000đ và cùng ngày mượn thêm 55.000.000đ, tổng cộng 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay 02

tháng, sau hai tháng thì tháng đầu trả 105.000.000đ, tháng tiếp theo trả 55.000.000đ, có viết giấy tay ngày 14T4 sau nhằm ngày 05/6/2020 dương lịch. Đến hạn trả nợ bà Lại Thị V có đòi nợ nhiều lần nhưng bà H chỉ trả được 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), còn lại 115.000.000đ chưa trả. Nay bà Lại Thị V khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Võ Văn K trả cho bà 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh N là đại diện theo ủy quyền của bà Lại Thị V trình bày: Do căn cứ giấy nợ nên bà V làm đơn khởi kiện hợp đồng vay tài sản nhưng thực chất là nợ huê hụi. Giữa bà V và bà H có chơi hụi với nhau từ năm 2017 đến năm 2020 mãn hụi. Sau khi mãn hụi tính tiền thì bà Phạm Thị H còn nợ tiền hụi của bà V và bà H viết giấy nợ thứ nhất có nội dung tôi tên Phạm Thị H có nợ của chị V số tiền 105.000.000đ tương ứng với sổ hụi 8 phần, mỗi phần 3.000.000đ mở hụi ngày 16/12/2019 mãn hụi ngày 16/6/2020 âm lịch hẹn đến ngày 30 tháng 4 âm lịch sau trả nhưng ghi trong giấy ngày 30T4 sau, viết giấy nợ thứ hai bà H ghi ngày 14T4 sau tôi tên Phạm Thị H có nợ của chị V số tiền là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) tương ứng sổ hụi 07 phần, mỗi phần 3.000.000đ mở ngày 20/02/2020 mãn ngày 20/7/2020 âm lịch. Tổng cộng hai giấy nợ này là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà Lại Thị V có đòi nợ nhiều lần nhưng bà H chỉ trả được 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), còn lại 115.000.000đ chưa trả. Nay bà Lại Thị V khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Võ Văn K trả cho bà V 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng).

Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Trước đây bà có làm chủ hụi tại chợ Ma Lâm để kiếm chút ít tiền lời mua cá gạo cho gia đình, có bà Lại Thị V tham gia chơi cùng, đến tháng 6/2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh nhiều người tham gia không đóng huê nên bà nghỉ chơi. Sau đó, bà có gặp bà V để tổng kết huê và bà viết giấy nợ ngày 14T4 sau với số tiền 55.000.000đ, sau đó bà có nợ thêm của bà V 50.000.000đ nữa nên bà viết lại giấy nợ bà V 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng bà cộng thêm khoản nợ 55.000.000đ trước đó vào tHnh nợ 105.000.000đ. Khi cộng nợ 55.000.000đ cũ vào tHnh số nợ 105.000.000đ thì bà không lấy lại giấy nợ ngày 14 T4 sau với số tiền 55.000.000đ nên bà V kiện buộc bà phải trả cho bà V cả hai giấy nợ với tổng số tiền là 160.000.000đ là sai. Thực tế bà chỉ nợ bà V 105.000.000đ đã trả 45.000.000đ, còn 60.000.000đ chưa trả. Bà chỉ đồng ý trả cho bà V 60.000.000đ tiền huê hụi.

Bị đơn ông Võ Văn K vắng mặt nhưng tại phiên tòa đã ủy quyền cho bà Phạm Thị H trình bày: Ông Võ Văn K là chồng của bà H, bà H là chủ hụi ông K không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Bích K1 trình bày: Chị là con ruột của ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H, chị có biết mẹ chị là Phạm Thị H có nợ của bà Lại Thị V 105.000.000đ nên chị có thay mặt bà H trả cho bà Lại Thị V 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) còn lại bà H nợ của bà V bao nhiêu tiền thì chị không rõ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị V, buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Lại Thị V tiền nợ huê hụi là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng)

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa

giải đề các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của chị Võ Thị Bích K1 không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, chị Võ Thị Bích K1 đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ chị K1 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Võ Thị Bích K1.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 08/3/2022 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” là không đúng, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về nợ hui” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Ma Lâm, huyện Hm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là tiền nợ huê hui nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận là “Tranh chấp nợ hui”. Giữa bà V và bà H có chơi hui với nhau từ năm 2017 đến năm 2020 măn huê. Sau khi măn hui tính tiền thì bà Phạm Thị H còn nợ tiền hui của bà V và bà H viết giấy nợ thứ nhất có nội dung tôi tên Phạm Thị H có nợ của chị V số tiền 105.000.000đ tương ứng với sổ hui 8 phần, mỗi phần 3.000.000đ mở hui ngày 16/12/2019 măn hui ngày 16/6/2020 âm lịch hẹn đến ngày 30 tháng 4 âm lịch sau trả nhưng ghi trong giấy ngày 30T4 sau, viết giấy nợ thứ hai bà H ghi ngày 14T4 sau tôi tên Phạm Thị H có nợ của chị V số tiền là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) tương ứng sổ hui 07 phần, mỗi phần 3.000.000đ mở ngày 20/02/2020 măn ngày 20/7/2020 âm lịch. Tổng cộng hai giấy nợ này là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà Lại Thị V có đòi nợ nhiều lần nhưng bà H chỉ trả được 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), còn lại 115.000.000đ chưa trả. Nay bà Lại Thị V khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H và ông Võ Văn K trả cho bà V 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng). Căn cứ giấy nợ do hai bên thỏa thuận lập có nội dung: Bà Phạm Thị H có nợ của bà Lại Thị V số tiền 105.000.000đ hẹn đến ngày 30 tháng 4 sau âm lịch trả, và ngày 14 T4 sau âm lịch nợ 55.000.000đ, tổng cộng 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), vì vậy có đủ cơ sở xác định giấy hẹn nợ hui giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Đến hạn trả nợ, bà Võ Thị Bích K1 trả thay cho bị đơn 45.000.000đ còn lại 115.000.000đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hui 115.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận theo quy định tại Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H K nại rằng đối với số tiền nợ hui 55.000.000đ bà không có nợ bà V thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bà H K bà có nợ của bà V 55.000.000đ nên bà ghi giấy nợ này, vì bà còn có nợ bà V 50.000.000đ nữa nên bà viết tiếp giấy nợ cho bà V số tiền 50.000.000đ này nhưng bà không viết nợ 50.000.000đ mà bà viết nợ bà V 105.000.000đ là đã cộng nợ 55.000.000đ cũ vào số nợ mới 50.000.000đ tHnh số nợ 105.000.000đ nhưng bà H không lấy lại giấy nợ ngày 14 T4 sau với số tiền 55.000.000đ để hủy nên bà V kiện buộc bà phải trả cho bà V 55.000.000đ là bà không đồng ý. Các lời K của bà H không được bà V thừa nhận và bà H không cung cấp chứng cứ gì để cho rằng là đã nhập số tiền 55.000.000đ vào số tiền 105.000.000đ nên bác lời K nại này. Do đó, bị đơn vẫn còn nợ của nguyên đơn số tiền hui là 115.000.000đ cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[4] Đối với ông Võ Văn K là chồng của bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian sống chung vợ chồng, ông Võ Văn K không ký giấy nợ tiền của bà Lại Thị V, không biết là H làm chủ hui nhưng bà Phạm Thị H K chơi huê hui để hưởng tiền lời cộng với tiền mua bán rau cải ở chợ tạo thu nhập mua gạo cá lo cho gia đình là đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Lại Thị V.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị V được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà Lại Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do vợ chồng ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H buộc phải trả tiền nợ hui là 115.000.000đ cho Lại Thị V vì vậy ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 5.750.000đ (năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi Hành án dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị V, buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Lại Thị V tiền nợ huê hui là **115.000.000đ** (một trăm mười lăm triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hành án có quyền chủ động ra quyết định thi Hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hành án) cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3.Về án phí, lệ phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Điều 26 Luật Thi Hình án dân sự. Bà Lại Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông Võ Văn K và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.750.000đ (năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lại Thị V, bị đơn bà Phạm Thị H và ông Võ Văn K có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2022). Đối với chị Võ Thị Bích K1 vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ung Thanh Quang